

Bản án số: **220/2021/DS - ST**

Ngày: 08/12/2021

V/v : "*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản (vay tiền)*".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, HÀ NỘI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông ***Nguyễn Phi Hùng***

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà ***Nguyễn Thị Mai***.

2. Ông ***Nguyễn Tuấn Anh***.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà ***Phạm Thu Hoài*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Việt Hà*** - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 163/2021/TLST - DS ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/QĐXX ngày 18/10/2021 giữa:

Nguyên đơn: Anh ***Nguyễn Văn H***, sinh năm 1992.

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị ***Nguyễn Thị Bích H***, sinh năm 1985.

Trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị ***Triệu Mùi M***, sinh năm 1996 (vợ anh Nguyễn Văn H).

Trú tại: Thôn Đ, xã V, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh H, chị H và chị M.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn khởi kiện cùng toàn bộ lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H trình bày:** Do quen biết thông qua việc mua bán sơn nên khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019 chị H có đặt vấn đề vay tiền để làm ăn, sau khi bàn bạc, vợ chồng anh H nhất trí cho chị H vay tiền.

Khoảng đầu 2019 anh H có đưa tiền cho chị H vay, việc bàn bạc thống nhất số tiền vay của mỗi lần chỉ diễn ra giữa anh H và chị H. Số tiền cho chị H vay là tiền tích góp của cả hai vợ chồng là Nguyễn Văn H và Triệu Mùi M.

Vợ chồng anh H đã cho chị H vay tổng số tiền là 400.000.000 đồng, vay làm nhiều lần, trả xong lại vay, lần vay đầu tiên khoảng năm 2019 và lần cho vay cuối vào năm 2020.

Đến khoảng tháng 4/2020, chị H mới trả cho vợ chồng anh H thêm được 100.000.000 đồng tiền nợ gốc.

Khoảng đầu tháng 5/2021 chị H có trả cho vợ chồng anh H thêm 10.000.000 đồng qua tài khoản, anh H nhất trí trừ vào nợ gốc, nên số nợ gốc còn lại tính đến nay là 290.000.000 đồng.

Do cả hai bên không nhớ chính xác ngày nên cùng thống nhất là ngày 07/5/2021 chị H chuyển tiền qua tài khoản của vợ chồng anh H và cùng thống nhất tiền lãi tính từ ngày 01/5/2020.

Như vậy tiền lãi của số tiền nợ gốc được chia làm hai phần như sau: Từ 01/05/2020 đến 07/05/2021 tính lãi trên dư nợ gốc 300.000.000đồng; Từ 08/05/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc, tính lãi trên dư nợ gốc 290.000.000đồng;

Về tài liệu là “Giấy vay tiền” ngày 25/01/2021 ký tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị Bích H, nội dung giấy vay tiền xác nhận chị H còn nợ vợ chồng tôi số tiền gốc 300.000.000 đồng và xác nhận từ 25/4/2020 chị H không trả tiền lãi, tài liệu này chỉ có mình tôi đại diện cho vợ chồng ký giấy.

Tại phiên tòa anh H yêu cầu chị H phải trả các khoản nợ như sau:

- Nợ gốc là 290.000.000 đồng;
- Tiền lãi của 300.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự kể từ ngày 01/5/2020 đến ngày 07/5/2021;
- Tiền lãi của 290.000.000 đồng với mức lãi suất theo quy định Bộ luật Dân sự kể từ ngày 08/5/2021 đến khi bà H thực tế trả xong khoản nợ cho vợ chồng tôi.
- Không yêu cầu bà H phải thanh toán cho chúng tôi số tiền lãi của 300.000.000 đồng tính từ tháng 4/2020 trở về trước nữa.

**\* *Quan điểm của Bị đơn:*** Chị H công nhận khoảng năm 2018, 2019 có vay của anh H số tiền 300.000.000 đồng, vay làm nhiều lần, trả xong lại vay. Chị H thừa nhận chỉ tiến hành giao dịch ký giấy tờ, vay và nhận tiền từ anh H, dù không nói chuyện bàn bạc với vợ anh H, nhưng chị H xác định là nợ chung của vợ chồng anh H, vì có lần chị M đi cùng anh H đến gặp chị. Đây là khoản nợ cá nhân, ngoài chị H ra không còn ai sử dụng số tiền vay trên.

Tính đến ngày 25/4/2020 chị H còn nợ vợ chồng anh H 300.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi. Tuy nhiên, khoảng đầu tháng 5/2021 chị H đã trả cho vợ chồng anh H thêm 10.000.000 đồng qua tài khoản, chị đề nghị trừ vào nợ gốc.

Chị H xác nhận tính đến nay, chị H còn nợ vợ chồng anh H số tiền gốc là 290.000.000 đồng và cũng nhất trí trả cho anh H tiền lãi trên dư nợ gốc theo mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, tính từ 01/5/2020 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại phiên tòa chị H đã trả thêm cho anh H 10.000.000 đồng và đề nghị được trừ vào nợ gốc, đồng thời chị H xin được trả nợ cho vợ chồng anh H theo lộ trình như sau: Từ tháng 4/2022 đến tháng 12/2022 chị H sẽ trả hết khoản nợ gốc. Sau khi thanh toán xong nợ gốc chị H sẽ thu xếp trả phần nợ lãi cho vợ chồng anh H trong thời gian sớm nhất.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị M ý kiến như sau:**

Nhất trí với ý kiến của anh Nguyễn Văn H đã trình bày và không bổ sung gì thêm;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật Tố tụng dân sự của các đương sự, của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử. Đồng thời đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

#### ***[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:***

Anh Nguyễn Văn H trú tại thôn Đ, xã V, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội; Chị Nguyễn Thị Bích H, trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Anh H và chị H có tranh chấp về hợp đồng vay tiền. Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### ***[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:***

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H và chị H cùng xác nhận tính đến ngày 24/5/2020 chị H còn nợ vợ chồng anh H 300.000.000 đồng và chưa trả tiền lãi từ đó cho đến nay.

Các bên cũng xác nhận ngày 07/5/2021 chị H đã trả vợ chồng anh H 10.000.000 đồng và cùng xác định thời điểm tính lãi kể từ ngày 01/5/2020.

Như vậy tính đến thời điểm xét xử thì chị H còn phải trả cho vợ chồng anh H số tiền là 290.000.000 đồng nợ gốc và buộc chị H phải trả là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Thời điểm tính tiền lãi các bên cùng xác định là:

Kể từ ngày 01/5/2020 đến hết ngày 07/5/2021 chị H phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày 08/5/2021 cho đến khi trả hết các khoản nợ chị H phải chịu tiền lãi trên số nợ gốc là 290.000.000 đồng.

Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về thời điểm tính tiền lãi nên được ghi nhận.

Theo thỏa thuận ghi trong giấy vay nợ ngày 25/01/2020 tiền lãi là 9 triệu đồng/tháng/300.000.000 đồng, tương đương với mức lãi suất cho vay là 3%/tháng và 36%/năm. Mức lãi suất này vượt quá 20%/năm theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Thỏa thuận này trái với quy định của pháp luật, nên không được chấp nhận.

Tại phiên tòa các bên đương sự đều đề nghị tính tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được tính là 10%/năm, tương đương với 0,83%/tháng và 0,027%/ngày. Do vậy tiền lãi được tính như sau:

- Tiền lãi của 300.000.000 đồng với thời gian tính lãi từ ngày 01/5/2020 đến hết ngày 07/5/2021 là 01 năm 07 ngày là:  $3000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm + 3000.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/ngày \times 07 \text{ ngày} = 30.000.000 \text{ đồng} + 81.000 \text{ đồng} = 30.081.000 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi của 290.000.000 đồng với thời gian tính lãi từ ngày 08/5/2021 đến hết ngày 08/12/2021 là 07 tháng 01 ngày là:  $2900.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 07 \text{ tháng} + 2900.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/ngày \times 01 \text{ ngày} = 16.849.000 \text{ đồng} + 78.000 \text{ đồng} = 16.927.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền gốc và tiền lãi chị H phải trả cho vợ chồng anh H tính đến hết ngày 08/12/2021 là:  $2900.000.000 \text{ đồng} + 30.081.000 \text{ đồng} + 16.849.000 \text{ đồng} = 336.930.000 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa chị H đã trả thêm cho anh H 10.000.000 đồng. Do vậy chị H còn phải trả cho anh H số tiền là:  $336.930.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 326.930.000 \text{ đồng}$

### **[3] Về án phí sơ thẩm:**

Do yêu cầu của anh H được chấp nhận nên chị H phải chịu tiền án phí sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án là:  $326.930.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.346.000 \text{ đồng}$ .

Trả lại anh H 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0045656 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

**[4] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Điểm c khoản 1 Điều 146; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự .
- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H đối với chị Nguyễn Thị Bích H.

2. Xác nhận tính đến hết ngày 08/12/2021 Nguyễn Thị Bích H còn nợ anh H số tiền gốc chưa trả là 290.000.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích H đã trả cho anh H 10.000.000 đồng tại phiên tòa.

4. Buộc chị Nguyễn Thị Bích H phải trả cho anh Nguyễn Văn H tổng số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tính đến hết ngày 08/12/2021 là **326.930.000** (ba trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân Sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân Sự”

### **4. Về án phí sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Bích H phải nộp **16.346.000** đồng. (mười sáu triệu, ba trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn H 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2020/0045656 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Bích H và chị Triệu Mùi M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/12/2021).

**Nơi nhận:**

- VKSND Đông Anh.
- TAND TP. Hà Nội.
- T.H.A huyện Đông Anh.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

*Nguyễn Phi Hùng*